

THỎA THUẬN
PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

YÊU CẦU KỸ THUẬT
VỀ MUA CÔNG CỤ DỤNG CỤ NĂM 2026

I. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG:

- 1.1. Mục đích sử dụng: Để sử dụng trong công tác khám chữa bệnh, nâng cao chất lượng phục vụ bệnh nhân tại Trung tâm Y tế Vietsovpetro
- 1.2. Điều kiện môi trường sử dụng:
 - Nhiệt độ: Từ 20°C đến 30°C.
 - Độ ẩm tương đối lên đến 80 %.

II. YÊU CẦU CHUNG:

- 2.1. Yêu cầu về năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp: Nhà thầu phải có giấy phép kinh doanh phù hợp.
- 2.2. Yêu cầu đối với hàng hóa: Hàng hóa chưa qua sử dụng, mới 100%, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.
- 2.3. Nhà thầu cam kết thu hồi hoặc đổi trả hàng trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.
- 2.4. Yêu cầu đối với cung cấp thông tin về hàng hóa trong HSDX:
 - 2.4.1. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ thông tin kỹ thuật và các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh như: thông tin sản phẩm (catalogue, brochure), dữ liệu kỹ thuật... dưới dạng văn bản phù hợp cho từng nội dung yêu cầu kỹ thuật của từng mặt hàng dự thầu.
 - 2.4.2. Bảng danh mục hàng hóa chào về kỹ thuật phải có đầy đủ các cột thể hiện nội dung sau: Số thứ tự của hàng hóa dự thầu; Số thứ tự trong HSMT; Tên hàng hóa trong HSMT; Tên hàng hóa dự thầu; Đơn vị tính; Quy cách đóng gói; Ký mã hiệu sản phẩm; Hãng sản xuất; Nước sản xuất; Số lượng.
- 2.5. Thời gian bảo hành: tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao nhận hàng hóa.

III. YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA

Hàng hóa phải được đóng gói đúng quy cách bởi nhà sản xuất, trên sản phẩm phải có đầy đủ các thông tin về sản phẩm, hãng sản xuất, nơi sản xuất, dung tích/số lượng theo quy định.

IV. SỐ LƯỢNG HÀNG HÓA VÀ THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG

- 4.1. Số lượng Hàng hóa: Theo Bảng danh mục số lượng hàng hóa (đính kèm).
- 4.2. Yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hóa:

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA	GHI CHÚ
1.	Bàn ăn y tế di động bệnh viện	<ul style="list-style-type: none"> - Mặt bàn màu trắng. - Kích thước mặt bàn: khoảng L805 x W405 x H750~1025mm - Kích thước chân: khoảng L805 x W405 x H100mm - Thép sơn tĩnh điện, mặt bàn melamine bo viền - Vỏ nhựa ABS, thiết kế mặt phẳng để dễ lau chùi, không còn hơi ẩm và không có vân đề rỉ sét. Mặt bàn được làm bằng gỗ chống cháy, đẹp và dễ lau chùi. - Tải trọng tối đa 20kg - Model: SD-0910PK hoặc tương đương 	
2.	Bàn khám phụ khoa điện	<ul style="list-style-type: none"> - Chân bàn được làm bằng sắt sơn tĩnh - Chất liệu da được làm là Polyvinyl chloride hoặc tương đương. - Đệm được làm từ chất liệu Polyurethane hoặc tương đương. - Điều khiển: Động cơ điện - Chiều dài bàn: khoảng 1.450mm (±20mm) - Chiều rộng bàn: khoảng 600 mm (±20mm) - Chiều cao điều khiển điện từ: 580mm - 1000mm - Nâng ghế ngồi: 17 độ - Hạ ghế ngồi: 6 độ - Tấm đỡ lưng: điều khiển điện từ 20-80 độ - Nguồn điện: 220V/ 50Hz CẤU HÌNH VÀ PHỤ KIỆN: - Thân bàn chính: 01 cái - Đỡ tay: 02 cái - Đỡ đầu gối: 02 cái - Đệm: 01 bộ - Khay đựng nước thải: 01 cái - Công tắc điều khiển: 01 bộ 	
3.	Bao tay hỗ trợ cầm nắm	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại PHCN – hỗ trợ vận động tay - Vị trí sử dụng Bàn tay - Chất liệu Vải mềm, êm - Kiểu đeo Bao tay hỗ trợ - Model: PN-BT.0 hoặc tương đương 	
4.	Bình oxy 5kg (có hộp đựng)	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ bình oxy y tế mini có hộp đựng, sử dụng được trên máy bay, bao gồm: <li style="padding-left: 20px;">Bình oxy mini: ≥ 3 lít. <li style="padding-left: 20px;">Đồng hồ điều áp: Với tác dụng đo áp suất, điều chỉnh lưu lượng khí oxy. <li style="padding-left: 20px;">Dây dẫn khí Oxy hay còn được gọi là dây thở <li style="padding-left: 20px;">Mặt nạ thở. <li style="padding-left: 20px;">Hộp đựng. 	
5.	Bộ tiêu phẫu	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ tiêu phẫu 15 món, gồm có: 	

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA	GHI CHÚ
		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Bao da đựng dụng cụ: 1 bộ ▪ Chỉ silk kèm kim khâu cong: 1 sợi ▪ Kéo cắt chỉ thẳng nhọn 10cm: 1 cái ▪ Kéo cắt chỉ cong nhọn 10cm: 1 cái ▪ Kèm kẹp kim 14cm: 1 cái ▪ Nhíp thẳng đầu tù không mẫu 12cm: 1 cái ▪ Nhíp thẳng đầu tù không mẫu 12cm: 1 cái ▪ Panh cong không mẫu 14cm: 1 cái ▪ Panh cong có mẫu 14cm: 1 cái ▪ Panh thẳng có mẫu 14cm: 1 cái ▪ Cán dao số 3: 1 cái ▪ Lưỡi dao 11: 1 cái ▪ Cán dao số 4: 1 cái ▪ Lưỡi dao 20: 1 cái ▪ 01 vỉ 10 kim cong khâu da + 1 cuộn chỉ vải ▪ Cây nhọn chọc tuỷ inox: 01 Cái 	
6.	Cân sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> - Loại cân cơ học có thước đo chiều cao - Tải trọng: ≥ 150 kg - Sai số: $\leq \pm 0.1$ kg - Chiều cao đo được tới ≥ 190 cm - Chất liệu Khung thép + mặt cân chống trượt 	
7.	Cáng hải không	<ul style="list-style-type: none"> - Nhựa y tế ABS cao cấp, chịu nhiệt cao, chống mài mòn, không gây độc hại. - Khung hợp kim thép chịu áp lực (có thể tháo rời gấp lại) - Kích thước cáng mở: (L * W * H): ≥ 216cm * ≥ 61cm * ≥ 18cm - Kích thước cáng gấp: (L * W * H): ≥ 127cm * ≥ 61cm * ≥ 25cm. - Càng nặng: ≤ 25 kg. - Tải trọng: ≥ 250 kg. - Thành phần của cáng: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tấm an toàn điều chỉnh được. ▪ 4 dây đai an toàn ▪ Dây cáng ▪ Dây nâng cáng ▪ Móc ▪ Tấm treo ▪ Nối cáng ▪ Tán ôc - Model: EA-7B hoặc tương đương 	
8.	Đầu khuỷu tay khoan low speed	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu khuỷu tay khoan lowspeed (tay chậm khuỷu - contra angle) dùng để gắn mũi khoan khuỷu (latch type) thực hiện các thao tác đánh bóng, mài chỉnh, hoặc các thủ thuật nha khoa cần tốc độ thấp. - Tốc độ & Truyền dẫn: Tỷ lệ truyền dẫn 1:1, tốc độ 	

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA	GHI CHÚ
		<p>tối đa khoảng 40.000 vòng/phút.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế: Chuck bấm (push button) giúp thay mũi khoan nhanh chóng và dễ dàng. - Chất liệu: bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy tiệt trùng. 	
9.	Đèn hồng ngoại (4 bánh xe)	<ul style="list-style-type: none"> - Chân đế inox, thanh trượt inox, 4 bánh xe - Bóng hồng ngoại công suất $\geq 250W$ - Chân đế $\geq 60 \times 60$ cm, chiều cao tối đa 160 cm (+/- sai số $\leq 5\%$), - Chóa đèn bằng nhôm khu trú được tia hồng ngoại tập trung nơi vùng cần điều trị, có lưới bảo hộ bóng đèn. - Chóa đèn có thể chiếu từ trên xuống hoặc từ dưới lên. - Có cánh tay 2 khớp nối linh hoạt theo vùng điều trị. - Có chuông báo tự động tắt đèn theo giờ hẹn giờ. - Model: PN29 hoặc tương đương 	
10.	Đồng hồ bình oxy lớn + Bộ làm ấm Oxy	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để gắn vào chai oxy y tế để cho bệnh nhân thở khí oxy. - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Áp lực đầu vào: ≥ 15 Mpa ▪ Áp lực đầu ra: khoảng 0,2 - 0,3 Mpa ▪ Van an toàn: $0,35 \pm 0,05$ Mpa ▪ Lưu lượng: 1 đến $\geq 15L$ / phút ▪ Nhiệt độ tối đa $121^{\circ}C$ - Bộ sản phẩm bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Đồng hồ đo lượng oxy trong bình (kèm van an toàn và đầu kết nối với chai oxy): 01 cái ▪ Cột đo lưu lượng khí Oxy ra (kèm van điều chỉnh lưu lượng): 01 cái ▪ Bình tạo ấm khí Oxy (tương thích với cột đo lưu lượng): 01 cái ▪ Dây dẫn khí oxy thở: 01 cái 	
11.	Ghế đôn tròn xoay có tựa, (có bánh xe)	<ul style="list-style-type: none"> - Ghế có tựa, đệm tựa bọc PVC. - Khung thép chính sử dụng ống $\varnothing 25.4$ - Chân có bánh xe có thể di chuyển được. - Ghế sử dụng Piston khí nén có thể tăng chỉnh được chiều cao. - Kích Thước: $\varnothing 550 \times H(725-845)$ mm - Model: GCN101 hoặc tương đương 	
12.	Ghế xoay Inox	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Ghế đầu xoay Inox, có khả năng điều chỉnh độ cao, có lưng tựa (hoặc không) - Kích thước: $W400 \times D432 \times H(720 - 850)$mm, - Model: GDQ02 hoặc tương đương 	

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA	GHI CHÚ
13.	Giường điều trị nội trú.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tổng chiều dài giường chăm sóc: $\geq 2130\text{mm} \pm 10\text{mm}$ ▪ Chiều rộng giường chăm sóc: $\geq 900 \text{ mm} \pm 10\text{mm}$ ▪ Chiều cao mặt giường: $\geq 500 \text{ mm} \pm 10\text{mm}$ ▪ Góc nâng lưng của mặt giường: $0 - \geq 75 \text{ độ} \pm 5 \text{ độ}$ ▪ Tải trọng động phần lưng: $\geq 150 \text{ kg}$ ▪ Tải trọng tĩnh của giường: $\geq 240 \text{ kg}$ - Cấu trúc sản phẩm (các bộ phận): <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tấm đầu giường bằng nhựa ABS ▪ Bàn ăn được làm bằng nhựa ABS ▪ Khung giường kim loại ▪ Chân giường kim loại ▪ Bánh xe y tế ▪ Mặt giường dập lỗ thông khí ▪ Đệm y tế: Đệm y tế màu đen dày 7cm làm hoàn toàn bằng mút/ mút xốp (sponge) ▪ Tấm đuôi giường bằng nhựa ABS ▪ Khe cắm thẻ bệnh án ▪ Thanh tay quay ▪ Thanh chắn (lan can) hợp kim nhôm ▪ Góc nhựa bảo vệ chống va đập - MODEL: SHD-414 hoặc tương đương 	
14.	Kệ sắt đặt máy 3 tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Khung sắt sơn tĩnh điện. - Có móc 2 bên treo dụng cụ. - Có ngăn giữa, có 4 bánh xe. - Tầng đáy: R40xS40cm - Tầng giữa: R35xS24cm - Tầng trên: R43xS32cm - Chiều cao 3 tầng: khoảng từ 75-80cm - Kích thước đóng gói: khoảng D43xR43xC80cm - Model: PN-K3T.1 hoặc tương đương 	
15.	Khung treo tập đi	<ul style="list-style-type: none"> - Khung treo tập đi có bánh xe, dùng điện để nâng đỡ toàn thân, tập đi kết hợp trên máy chạy bộ hoặc trên sàn nhà - Kích thước (DxRx C): khoảng 180 x 90 x 180-230 cm - Chất liệu: Khung sắt hoặc thép, sơn tĩnh điện. - Bốn chân chỉnh được độ vênh của mặt phẳng. - Động cơ: Có thể chịu lực nâng đỡ lên tới 160kg - Dùng remote nút bấm điều chỉnh tăng cao – thấp để nâng đỡ bệnh nhân - Nguồn điện: Ắc qui 24V, sạc lại được, 01 cục sạc ắc quy 24V - Có thể tùy chọn loại chân cố định hay bánh xe. 	

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA	GHI CHÚ
		– Model: PN-DCNN hoặc tương đương	
16.	Máy điều trị nội nha.	<ul style="list-style-type: none"> – Máy điều trị nội nha tích hợp định vị chóp mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau. – Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. – Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Động cơ: Không chổi than ▪ Tốc độ quay: 100 – \geq 2.500 vòng/phút ▪ Mô-men xoắn: 0,4 – \geq 5,0 N.cm ▪ Góc quay qua lại: 20° – \geq 400°, bước điều chỉnh 10° ▪ Đầu góc: Xoay 360° ▪ Màn hình: LCD HD cảm ứng ▪ Định vị chóp: Tích hợp và hiển thị theo thời gian thực ▪ Auto Start/Stop: Có ▪ Auto Apical Reverse / Stop: Có ▪ ATR (Automatic Torque Reverse): Có ▪ Chương trình người dùng: \geq 11 ▪ Hệ thống trâm cài sẵn: \geq 30 ▪ Pin tay khoan: Lithium 3,7V / \geq 1.200mAh ▪ Pin để sạc: Lithium 11,1V / \geq 2.600mAh ▪ Sạc không dây cho tay khoan – Cấu hình cung cấp: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Máy điều trị nội nha không dây tích hợp định vị chóp: 01 bộ ▪ Tay khoan nội nha không dây: 01 cái ▪ Đầu góc nội nha: 01 cái ▪ Đế sạc: 01 cái ▪ Phụ kiện chuẩn, đồng bộ theo máy: 01 cái – Model: Endo Radar hoặc tương đương 	
17.	Máy đo nhịp tim thai bằng siêu âm (monitor sản khoa)	<ul style="list-style-type: none"> – Máy đo nhịp tim thai bằng siêu âm (monitor sản khoa) mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau. – Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. – Thiết kế nhỏ gọn với tay cầm cho thăm khám di động. – Biểu đồ tim thai (FHR) được in trên thiết bị. – Tất cả các đầu dò đều chống ngâm nước theo tiêu chuẩn IPX8 – Đầu dò theo dõi tim thai: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Dải nhịp tim thai: 30 ~ 240 nhịp/phút, ▪ Độ chính xác $\leq \pm 2\%$ – Đầu dò theo dõi cơn gò tử cung: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Dải đo: 0 ~ 99 đơn vị ▪ Độ chính xác: $\leq \pm 1\%$ – Tốc độ in: <ul style="list-style-type: none"> ▪ In bình thường: 1, 2 và 3 cm/phút $\pm 1\%$ 	

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA	GHI CHÚ
		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tốc độ cao 50 cm/phút - Kiểu giấy: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Kiểu giấy: Giấy gấp kiểu chữ Z ▪ Kết nối máy tính qua cổng RS-232 - Cấu hình cung cấp: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Máy chính (có tích hợp máy in): 01 cái ▪ Đầu dò Doppler siêu âm : 2 Cái ▪ Đầu dò UC (Con gò tử cung): 1 Cái ▪ Jack đánh dấu sự kiện: 1 Cái ▪ Giấy in: 2 Xấp ▪ Dây Nguồn + Adaptor: 1 Cái ▪ Gel siêu âm: 1 Lọ ▪ Đai đầu dò: 3 Cái ▪ Sách hướng dẫn sử dụng: 1 Quyển - Model: BT300 hoặc tương đương 	
18.	Xe đẩy đặt máy.	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu hợp kim nhôm - Điều chỉnh độ cao: Từ 87cm đến ≥ 127 cm. - Kích thước khay đế: $\geq 27 \times 129.5$cm. - Đường kính cột: Phần dưới là ≥ 52mm và phần trên là ≥ 38mm. - Kích thước chân đế: $\geq 46 \times 46$cm. - Thiết kế 5 bánh xe yên tĩnh. - Cấu hình cung cấp: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Mặt bích đế cố định máy: 01 cái ▪ Gờ đỡ đầu dò (tương thích với máy đo nhịp tim thai bằng siêu âm): 01 cái ▪ Giỏ đựng đồ: 01 cái ▪ Tay nắm kéo: 01 cái. ▪ Chân xe và bánh xe: 01 bộ. ▪ Bộ ốc để lắp ráp xe: 01 bộ. - Model: PM-X3 hoặc tương đương 	
19.	Ống nghe cho bác sĩ	<ul style="list-style-type: none"> - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Công nghệ mặt nghe: Hai mặt (người lớn và trẻ em), được chế tác từ thép không gỉ.. ▪ Màng nghe: Màng nghe có thể điều chỉnh linh hoạt (Tunable). Chỉ cần thay đổi lực đè nhẹ hoặc mạnh để nghe tần số âm thanh thấp (chuông) hoặc cao (màng). ▪ Vật liệu bộ tai nghe: Chất liệu aluminum alloy nhẹ đạt chuẩn hàng không hoặc tương đương. ▪ Màu sắc: Dây đen, Xám, Xanh Navy, Xanh Caribbean... tùy theo nhu cầu đặt hàng. ▪ Kích thước (khoảng): Chiều dài: 69cm/27 inch, Màng lớn: 4.3 cm, Màng nhỏ: 3.3 cm - Cấu hình cung cấp cho 1 bộ: <ul style="list-style-type: none"> ▪ 1 ống nghe 	

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA	GHI CHÚ
		<ul style="list-style-type: none"> ▪ 1 cặp nút nghe mềm ▪ 1 chuông nghe để thay chỗ màng nhỏ ▪ Sách hướng dẫn sử dụng <p>– Xuất Xứ: nhóm nước G7 hoặc EU</p>	
20.	Tấm chuyển người bệnh	<p>– Tấm trượt hỗ trợ dịch chuyển người bệnh, chuyển người bệnh (từ xe cáng cấp cứu sang giường bệnh hoặc đưa bệnh nhân từ giường này sang giường khác...)</p> <p>– Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chiều dài: 170cm ▪ Chiều rộng: 50cm ▪ Chiều dày: 2cm <p>– Kích thước khi gấp đôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chiều dài: 86.5cm ▪ Chiều rộng: 2cm ▪ Chiều dày: 4cm <p>– Khối lượng tịnh: ≤2.5kg</p> <p>– Chất liệu: vải Oxford hoặc tương đương</p> <p>– Màu sắc: tùy nhu cầu đặt hàng</p>	
21.	Tay khoan highspeed	<p>– Tay khoan highspeed 6 lỗ có đèn dùng để sửa soạn xoang hàm (trám) răng, loại bỏ mô răng cứng, và các thao tác phẫu thuật nha khoa đòi hỏi độ chính xác.</p> <p>– Cấu trúc 6 lỗ:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 2 lỗ cấp khí (hơi) hoạt động ▪ 1 lỗ nước phun ▪ 1 lỗ xả nước ▪ 2 lỗ cấp điện (hoặc sợi quang) cho đèn LED/Fiber Optic. <p>– Có khớp nối nhanh</p> <p>– Đèn LED ánh sáng trắng, giúp quan sát rõ ràng vùng điều trị (đèn thường được tích hợp ngay trên khớp nối hoặc thân tay khoan).</p> <p>– Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tốc độ quay (Speed): từ 320.000 đến ≥ 450.000 vòng/ phút (RPM). ▪ Áp lực hơi hoạt động: Khoảng 0.22 đến ≥ 0.28 MPa (hoặc 30-34 psi) ▪ Loại mũi khoan: đường kính cán mũi khoan 1.59 - 1.60 mm ▪ Bộ phận kẹp mũi: Nút bấm. ▪ Hệ thống phun nước/ phun sương: ngay tại đầu khoan, giúp làm mát mũi khoan và mô, hạn chế tình trạng tắc nghẽn tia nước. ▪ Vòng bi: Sử dụng vòng bi gốm, chịu nhiệt. ▪ Có chống hút ngược. ▪ Chất liệu: làm bằng thép không gỉ hoặc titan 	

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA	GHI CHÚ
		<p>chống ăn mòn</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có thể hấp tiệt trùng trong lò hấp Autoclave ở nhiệt độ cao (134-135°C). 	
22.	Thiết bị ghi nhiệt độ cảnh báo SMS	<ul style="list-style-type: none"> - Độ ẩm tương đối : <ul style="list-style-type: none"> ▪ Phạm vi đo: 0 đến 100%RH ▪ Lỗi đo: $\leq \pm 3\%$ RH ▪ Độ chính xác: $\leq 0,1\%$ RH - Nhiệt độ: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Phạm vi đo : 40 đến 100°C (40 đến 122 ° F) ▪ Lỗi đo: $\pm 0,3^{\circ}\text{C}$ ($\pm 0,5^{\circ}\text{F}$) ▪ Độ chính xác: $0,1^{\circ}\text{C}$ ($0,2^{\circ}\text{F}$) - Vị trí cảm biến: Bên ngoài - Dung lượng bộ nhớ: ≥ 32000 - Tỷ lệ lấy mẫu: 2 giây đến 24h - Phần mềm máy tính: DGraph, trình điều khiển USB (bao gồm CD) - Vật liệu: ABS hoặc tương đương - Nguồn điện: pin - Model: GSM-200E Hoặc tương đương 	
23.	Tủ đầu giường điều trị nội trú	<ul style="list-style-type: none"> - Tủ đầu giường bằng nhựa ABS để bệnh nhân lưu trữ đồ dùng cá nhân, ăn uống, đặt cốc nước và các nhu yếu phẩm hàng ngày khác, có ngăn kéo di động, rãnh để nhiệt kế và khay lõm để bình nước.... - Có 3 tầng: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Mặt tủ và bàn kéo ▪ Ngăn kéo ▪ Tủ chính - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chiều dài tủ: $\geq 480\text{mm} \pm 10\text{mm}$ ▪ Chiều rộng tủ: $\geq 490\text{mm} \pm 10\text{mm}$ ▪ Chiều cao tủ: $\geq 765\text{mm} \pm 10\text{mm}$ - Cấu trúc sản phẩm (các bộ phận): <ul style="list-style-type: none"> ▪ Mặt tủ bằng nhựa ABS ▪ Thanh treo khăn ▪ Vách ngăn di động ▪ Vị trí đặt ấm nước/phích nước ▪ Bàn ăn kéo mở đa năng ▪ Ngăn kéo ▪ Cánh cửa tủ ▪ Không gian lưu trữ bên trong ▪ Hộc chứa đồ gắn ở cánh cửa tủ - MODEL: SHD-815 hoặc tương đương 	
24.	Tủ thuốc nhỏ đựng thuốc gây nghiện, an thần.	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước bên ngoài: khoảng 305 x 215 x 365mm - Kích thước bên trong: khoảng 212 x 157 x 305mm - Vật liệu thân: Thép (phủ melamine) - Kệ 1 tầng giá đỡ (có thể tháo rời) 	

STT	TÊN HÀNG HÓA	KỸ THUẬT HÀNG HÓA	GHI CHÚ
		<ul style="list-style-type: none"> - Loại cửa đôi - Model: TM-M hoặc tương đương 	
25.	Xe đẩy hàng 4 bánh	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu xe: xe đẩy tay (gấp được). - Loại mặt sàn xe đẩy: sàn thép - Kích thước: khoảng Dài 740 x Rộng 480 x Cao (Tay đẩy) x 850mm - Tải trọng: ≥ 150 kg - Trọng lượng xe: $\leq 11,5$kg - Đường kính bánh xe: ≥ 100 mm - Chất liệu bánh xe: Bánh cao su lõi thép - Model: NB101 hoặc tương đương 	
26.	Xe đẩy inox 2 tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (Rộng \times Dài \times Cao): 480*880*h950 mm - Chất liệu: inox 304 mờ xước - Tấm mặt kệ dày ≥ 0.8mm, có xương u tăng cứng cho tấm mặt kệ. - Chân ống 25 dày 1mm, lan can ống 10 dày 1mm. - Bánh xe D75mm, 2 bánh có khóa - Được sử dụng làm xe đẩy thực phẩm, xe đẩy thiết bị y tế, xe đẩy đồ ăn. - Model: XDD 4888 2T hoặc tương đương 	
27.	Xe kéo 4 bánh, tay đẩy 2 chiều. Tải trọng 1000kg	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu xe tay cố định, xe đẩy tay 4 bánh, không gấp gọn - Kích thước: Dài 1210 x Rộng 757 x Cao 900mm - Chất liệu: Thép ống và thép tấm - Chiều cao ≥ 90cm - Mặt sàn: $\geq 121 \times 75$ cm - Xe đẩy 4 bánh: chất liệu bánh bằng cao su, đường kính ≥ 200 mm - Tải trọng: ≥ 600 kg - Model: XTH 250S2 hoặc tương đương 	

Tổng: 27 mục

Lưu ý:

- Khái niệm "tương đương": là có các đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng tương tự đối với kỹ thuật, hàng hóa nêu trên.

4.3. Thời gian giao hàng: Giao 1 lần trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

4.4. Địa điểm giao hàng và trả bảo hành:

- Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại Kho vật tư TT Y Tế Vietsovpetro (Số 02 Pasteur P. 7, TP. Vũng Tàu).
- Điều kiện bảo hành: Theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất nhưng tối thiểu 12 tháng kể từ ngày giao nhận hàng hóa.

V. YÊU CẦU VỀ CHỨNG CHỈ HÀNG HÓA:

- Đối với mục 16-17 của Danh mục 4.1:
 - o Cung cấp giấy phép lưu hành trang thiết bị y tế của Bộ y tế cấp hoặc giấy phép nhập khẩu: Bản sao y công chứng hoặc bản điện tử kèm theo thông tin để kiểm chứng cho máy chính.
 - o Cung cấp chứng chỉ xuất xứ (CO) do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp: Bản gốc hoặc bản sao y công chứng hoặc bản điện tử kèm theo thông tin để kiểm chứng cho máy chính (của danh mục 5.1)
 - o Cung cấp chứng chỉ chất lượng (CQ/ COQ) do nhà sản xuất cấp: Bản gốc hoặc bản sao y công chứng hoặc bản điện tử kèm theo thông tin để kiểm chứng cho máy chính (của danh mục 5.1)
 - o Cung cấp chứng chỉ bảo hành của nhà cung cấp: Bản gốc cho cả Hệ thống.
 - o Cung cấp các giấy chứng nhận về tiêu chuẩn sản xuất mà thiết bị đạt được (nếu có): Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của Nhà cung cấp
- Đối với mục còn lại của Danh mục 4.1:
 - o Cung cấp bản cam kết về nguồn gốc xuất xứ và chất lượng sản phẩm có xác nhận của nhà cung cấp (Bản gốc).
 - o Cung cấp Giấy bảo hành của Nhà cung cấp (Bản gốc).

VI. YÊU CẦU VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH CÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN MÔI TRƯỜNG:

- Trong quá trình giao nhận hàng hóa, nhà cung cấp phải đảm bảo đầy đủ trang bị lao động phù hợp cho nhân viên khi tiến hành công việc và tuân thủ nội quy, quy định của TT Y tế.

VI. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VỀ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA VẬT TƯ VỚI ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT CỦA VIETSOVPETRO:

- Việc đánh giá sẽ được tiến hành với chào từng mục hàng hóa của Danh mục 4.1 (Theo tiêu chí đánh giá kỹ thuật đính kèm)

Những người soạn thảo ký:

TK. Cấp Cứu – TNT:

TK. YTDP - CNK:

TK. ĐY-VLTL-OXCA:

Phó khoa CC-TNT:

Phụ trách Phòng RMH:

PK. CDHA-XN-NS:

Trưởng BP. VTTB:

KS. VTTB: